

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

**1. Thông tin về tổ chức:**

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất
- Địa chỉ trụ sở chính: số 164 phố Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 0243.6622400; Fax: 0243.6622473.

- Website: <http://www.vinawind.com.vn/>

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Đình Đông

Chức vụ: Tổng giám đốc công ty.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 26/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Công ty cổ phần Điện Cơ Thống Nhất xin công bố thông tin theo quy định.

**2. Loại thông tin công bố:**  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

**3. Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2022 tại đường dẫn: <http://www.vinawind.com.vn/>, mục “**Quan hệ cổ đông**”.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CBTT;
- Lưu văn thư, P.TCHC.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Vũ Đình Đông**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-33

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công ty hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 22 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch
Ông Vũ Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2021
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/12/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

Số: 260322.002 /BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được lập ngày 26 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biên**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022*

**Ngô Hoàng Hà**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		960.255.056.669	720.652.998.834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	109.312.425.600	51.865.225.560
111	1. Tiền		109.312.425.600	23.865.225.560
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	28.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	326.819.688.600	186.213.500.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		350.479.588.600	209.873.400.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(23.659.900.000)	(23.659.900.000)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.096.872.910	136.829.304.019
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	123.461.843	5.032.352.387
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.163.479.611	130.878.845.890
139	3. Tài sản thiếu chờ xử lý		809.931.456	918.105.742
140	IV. Hàng tồn kho	7	508.524.761.399	338.256.780.643
141	1. Hàng tồn kho		508.524.761.399	338.256.780.643
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.501.308.160	7.488.188.612
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	14.288.362	48.856.211
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.487.019.798	7.439.332.401
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		51.232.378.082	61.806.420.103
220	II. Tài sản cố định		17.611.670.266	26.476.138.762
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.611.670.266	26.476.138.762
222	- Nguyên giá		206.732.268.558	206.732.268.558
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(189.120.598.292)	(180.256.129.796)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		33.620.707.816	35.330.281.341
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	33.620.707.816	35.330.281.341
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>1.011.487.434.751</u>	<u>782.459.418.937</u>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>599.732.366.267</b>	<b>471.337.385.045</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>599.732.366.267</b>	<b>471.337.385.045</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	49.945.032.186	74.055.126.897
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11	24.495.143.234	16.998.173.472
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	10.103.207.909	18.270.945.852
314	4. Phải trả người lao động		24.806.500.284	24.240.721.470
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	426.948.457	684.255.012
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	43.205.900.653	42.421.824.405
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	378.497.901.348	222.381.512.124
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	16	59.382.543.516	60.705.722.490
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.869.188.680	11.579.103.323
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>411.755.068.484</b>	<b>311.122.033.892</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>411.755.068.484</b>	<b>311.122.033.892</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		160.159.970.000	143.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		160.159.970.000	143.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		335.210.030	335.210.030
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		251.259.888.454	167.786.823.862
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		147.704.273.908	84.284.539.453
421b	LNST chưa phân phối năm nay		103.555.614.546	83.502.284.409
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.011.487.434.751</b>	<b>782.459.418.937</b>

Phạm Thị Kim Ngân  
Người lập

Hoàng Văn Huy  
Q. Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	993.009.978.443	1.045.813.725.607
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		993.009.978.443	1.045.813.725.607
11	4. Giá vốn hàng bán	20	814.348.240.222	847.984.917.323
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		178.661.738.221	197.828.808.284
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	12.291.593.262	16.446.730.811
22	7. Chi phí tài chính	22	8.996.545.832	42.703.753.094
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		8.878.877.592	13.138.666.212
25	8. Chi phí bán hàng	23	17.974.403.566	22.324.591.080
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	42.450.050.710	43.489.712.470
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		121.532.331.375	105.757.482.451
31	11. Thu nhập khác	25	9.761.666.789	7.986.460.319
32	12. Chi phí khác	26	889.270.379	3.036.437.885
40	13. Lợi nhuận khác		8.872.396.410	4.950.022.434
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		130.404.727.785	110.707.504.885
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	26.849.113.239	27.205.220.476
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>103.555.614.546</u>	<u>83.502.284.409</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	6.466	5.214

*Ngân*

*Huy*



Phạm Thị Kim Ngân  
Người lập

Hoàng Văn Huy  
Q. Kế toán trưởng

Vũ Đình Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		130.404.727.785	110.707.504.885
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.741.142.440	13.914.395.311
03	- Các khoản dự phòng		(1.323.178.974)	26.893.822.423
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.582.174	1.283.516
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(12.174.486.666)	(16.223.118.608)
06	- Chi phí lãi vay		8.878.877.592	13.138.666.212
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		135.528.664.351	148.432.553.739
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		130.669.385.904	6.821.937.113
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(170.267.980.756)	64.206.618.078
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.398.223.593)	27.296.243.835
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		867.467.430	(1.829.882.052)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(140.606.188.600)	(139.864.500.000)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.809.621.147)	(13.220.381.179)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(35.205.220.476)	(15.555.490.843)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.632.494.597)	(1.434.132.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(108.854.211.484)	74.852.966.691
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.149.090.910)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.189.844.474	16.205.800.800
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.189.844.474	15.056.709.890
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		842.025.101.354	641.842.653.796
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(685.908.712.130)	(693.444.534.330)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.240.000)	(12.959.640.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		156.113.149.224	(64.561.520.534)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		57.448.782.214	25.348.156.047

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.865.225.560	26.518.353.029
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.582.174)	(1.283.516)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>109.312.425.600</u>	<u>51.865.225.560</u>

Phạm Thị Kim Ngân  
Người lập

Hoàng Văn Huy  
Q. Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tiền thân là Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được thành lập năm 1965 trên cơ sở sáp nhập 02 bộ phận sản xuất quạt điện của hai xí nghiệp là Công ty hợp doanh Điện Thông và Điện Cơ Tam Quang với nhiệm vụ sản xuất các loại quạt điện phục vụ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Năm 1970 Xí nghiệp Điện cơ Thống Nhất được ra đời trên cơ sở sáp nhập bộ phận còn lại của Xí nghiệp Tam Quang vào Xí nghiệp Điện khí Thống nhất. Trải qua nhiều lần đổi tên, đến năm 2015 Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 12 ngày 22 tháng 12 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 160.159.970.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 160.159.970.000 đồng; tương đương 16.015.997 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1014 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 1049 người).

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và tiêu thụ quạt điện các loại.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:  
Chi nhánh Hà Nam

Địa chỉ  
Hà Nam

Hoạt động kinh doanh chính  
Sản xuất quạt điện các loại

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư hoặc đánh giá tổn thất của Ban Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến từng khoản đầu tư tài chính.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

### 2.13 . Các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.



#### **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả và các chi phí hoạt động của Công ty... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

#### **2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## **2.18 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

## **2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trưng Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp****a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành**

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2.22 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.23 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.24 . Thông tin bộ phận**

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các loại quạt điện và tất cả các hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	165.821.808	518.465.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	109.146.603.792	23.346.760.392
Các khoản tương đương tiền	-	28.000.000.000
	<u>109.312.425.600</u>	<u>51.865.225.560</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	350.479.588.600	(23.659.900.000)	209.873.400.000	(23.659.900.000)
- Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (*)	56.813.900.000	(23.659.900.000)	56.813.900.000	(23.659.900.000)
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	8.112.000.000	-	8.112.000.000	-
- Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport (**)	285.553.688.600	-	144.947.500.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Trong năm 2020, Công ty thực hiện chuyển nhượng 350.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà cho đối tác, đồng thời trích lập dự phòng đối với số lượng cổ phần đang nắm giữ còn lại căn cứ giá chuyển nhượng của 350.000 cổ phần đã bán trong năm 2020. Trong năm 2021, do không có thông tin về giao dịch của cổ phiếu này nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung đối với khoản đầu tư này.

(\*\*) Trong năm 2021, Công ty đã có các giao dịch mua, bán cổ phần của Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport như sau:  
Giao dịch mua 2.599.900 cổ phần của Công ty CP XNK thủ công Mỹ nghệ Artexport từ các nhà đầu tư khác, tương đương tổng mệnh giá 25.999.000.000 đồng, giá phí đầu tư thêm là 140.606.188.600 đồng.

**Thông tin chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh**

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	Hà Nội	1.507.000	7,01%	Kinh doanh bia và nước giải khát
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ Nghĩa Đô	Hà Nội	202.800	10,00%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	Hà Nội	5.004.900	5,26%	Thương mại, xuất nhập khẩu

Theo định hướng nắm giữ các khoản đầu tư, Công ty dự kiến sẽ chuyển nhượng các khoản đầu tư này khi thị trường phù hợp mà không có ý định nắm giữ lâu dài. Do đó, Công ty trình bày các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này ở mục chứng khoán kinh doanh.

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Trả trước người bán ngắn hạn chi tiết theo đối tượng</b>				
Công ty TNHH Phát triển TM và DV Quốc Hưng	-	-	5.000.000.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	123.461.843	-	32.352.387	-
	<u>123.461.843</u>	<u>-</u>	<u>5.032.352.387</u>	<u>-</u>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.001.960.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	17.317.808	-
Tạm ứng	203.545.000	-	190.000.000	-
Thuế TNCN của người lao động	957.974.611	-	671.528.082	-
Phải thu về ủy thác đầu tư và hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	-	130.000.000.000	-
	<u>3.163.479.611</u>	<u>-</u>	<u>130.878.845.890</u>	<u>-</u>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	77.275.551.823	-	77.119.481.044	-
Công cụ, dụng cụ	1.310.026.588	-	1.350.380.272	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	103.446.728.077	-	64.068.297.153	-
Thành phẩm	326.492.454.911	-	195.718.622.174	-
	<u>508.524.761.399</u>	<u>-</u>	<u>338.256.780.643</u>	<u>-</u>

**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	97.656.003.675	102.804.557.310	5.139.360.809	1.132.346.764	206.732.268.558
Số dư cuối năm	<u>97.656.003.675</u>	<u>102.804.557.310</u>	<u>5.139.360.809</u>	<u>1.132.346.764</u>	<u>206.732.268.558</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	82.232.855.122	92.764.432.411	4.555.449.651	703.392.612	180.256.129.796
- Khấu hao trong năm	4.835.804.568	3.622.552.794	291.494.214	114.616.920	8.864.468.496
Số dư cuối năm	<u>87.068.659.690</u>	<u>96.386.985.205</u>	<u>4.846.943.865</u>	<u>818.009.532</u>	<u>189.120.598.292</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.423.148.553	10.040.124.899	583.911.158	428.954.152	26.476.138.762
Tại ngày cuối năm	<u>10.587.343.985</u>	<u>6.417.572.105</u>	<u>292.416.944</u>	<u>314.337.232</u>	<u>17.611.670.266</u>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.303.891.305 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 132.511.024.840 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.288.362	48.856.211
	<u>14.288.362</u>	<u>48.856.211</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn (*)	31.560.261.995	32.436.935.939
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.057.552.065	2.719.390.840
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.893.756	173.954.562
	<u>33.620.707.816</u>	<u>35.330.281.341</u>

(\*) Thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn được trình bày tại Thuyết minh số 18 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động".

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Ánh Dương	6.186.740.560	6.186.740.560	16.761.250.176	16.761.250.176
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại & Xuất nhập khẩu Lụa Tuyết PING XIANG SHI DA ZHI TRADING CO-LTD	-	-	7.213.283.780	7.213.283.780
Công ty TNHH Dây và cáp điện Trường Hải	6.944.306.666	6.944.306.666	-	-
Phải trả các đối tượng khác	31.819.369.664	31.819.369.664	42.339.372.811	42.339.372.811
	<u>49.945.032.186</u>	<u>49.945.032.186</u>	<u>74.055.126.897</u>	<u>74.055.126.897</u>

**11 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nguyễn Minh Sơn	80.553.485	13.893.226
Công ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Đạt Vinh	-	459.465.596
Các đối tượng khác	24.414.589.749	16.524.814.650
	<u>24.495.143.234</u>	<u>16.998.173.472</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trưng Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		27.223.970.336		27.223.970.336		-		-	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		776.002.898		776.002.898		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		18.198.839.303		26.849.113.239		35.205.220.476		-		9.842.732.066	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		72.106.549		1.265.682.297		1.077.313.003		-		260.475.843	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		-		3.828.369.604		3.828.369.604		-		-	
Các loại thuế khác	-		-		4.000.000		4.000.000		-		-	
	-		<b>18.270.945.852</b>		<b>59.947.138.374</b>		<b>68.114.876.317</b>		-		<b>10.103.207.909</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	280.723.457	211.467.012
- Trích trước chi phí khám sức khỏe CBCNV	-	325.780.000
- Chi phí phải trả khác	146.225.000	147.008.000
	<u><b>426.948.457</b></u>	<u><b>684.255.012</b></u>

**14 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	9.933.058.241	9.383.318.437
- Kinh phí công đoàn	314.069.000	324.813.000
- Bảo hiểm xã hội	24.133.443	42.812.999
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.216.310.000	4.219.550.000
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	27.972.000.000	27.750.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	746.329.969	701.329.969
	<u><b>43.205.900.653</b></u>	<u><b>42.421.824.405</b></u>

(\*) Khoản phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác có giá trị 27.750.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch triển khai dự án kinh doanh, thực hiện việc đầu tư, kinh doanh và cùng phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Trong năm 2020, Công ty đã sử dụng nguồn tiền nhận được từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này để đầu tư cổ phiếu Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport. Phần tặng trong năm 2021 là cổ tức nhận được của đối tác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**15 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	80.062.037.664	80.062.037.664	266.368.914.710	251.900.871.743	94.530.080.631	94.530.080.631
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội (2)	8.070.634.164	8.070.634.164	189.145.584.820	105.975.806.534	91.240.412.450	91.240.412.450
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nội (3)	48.697.539.073	48.697.539.073	128.297.523.580	121.250.736.299	55.744.326.354	55.744.326.354
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (4)	85.551.301.223	85.551.301.223	258.213.078.244	206.781.297.554	136.983.081.913	136.983.081.913
	<b>222.381.512.124</b>	<b>222.381.512.124</b>	<b>842.025.101.354</b>	<b>685.908.712.130</b>	<b>378.497.901.348</b>	<b>378.497.901.348</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/147030/HĐTĐ ngày 13/08/2021, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
  - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 94.530.080.631 đồng;
  - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (2) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021-HĐCVHM/NHCT106-ĐCTN ngày 19/03/2021, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 19/03/2021 đến hết ngày 28/02/2022;
  - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 91.240.412.450 đồng;
  - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 49785.21.051.2988221 TD ngày 30/09/2021 với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký Hợp đồng đến ngày 01/09/2022;
  - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 55.744.326.354 đồng;
  - + Hình thức đảm bảo vay: tín chấp.
- (4) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/HĐCTD/VCBHN-ĐCTN ngày 29/01/2021, với điều khoản như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng;
  - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 136.983.081.913 đồng;
  - + Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa (1)	23.073.488.781	23.923.736.005
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp (2)	13.019.054.735	13.656.801.485
- Dự phòng quỹ tiền lương	23.290.000.000	23.125.185.000
	<b>59.382.543.516</b>	<b>60.705.722.490</b>

(1) Căn cứ theo điều khoản về bảo hành sản phẩm 12 tháng tại hợp đồng bán hàng và tài liệu đánh giá nội bộ của Công ty. Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

(2) Số dư dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp là số liệu tính toán tiền trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động tại Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Luật lao động căn cứ theo chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	143.000.000.000	335.210.030	109.676.565.257	253.011.775.287
Lãi trong năm trước	-	-	83.502.284.409	83.502.284.409
Phân phối lợi nhuận	-	-	(25.392.025.804)	(25.392.025.804)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>143.000.000.000</b>	<b>335.210.030</b>	<b>167.786.823.862</b>	<b>311.122.033.892</b>
Số dư đầu năm nay	143.000.000.000	335.210.030	167.786.823.862	311.122.033.892
Lãi trong năm nay	-	-	103.555.614.546	103.555.614.546
Phân phối lợi nhuận	17.159.970.000	-	(20.082.549.954)	(2.922.579.954)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>160.159.970.000</b>	<b>335.210.030</b>	<b>251.259.888.454</b>	<b>411.755.068.484</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 92/NQ-ĐCTN-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14,55%	2.922.579.954
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 12% vốn điều lệ) (*)	85,45%	17.160.000.000

(\*) Theo Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu của Công ty ngày 23/11/2021 như sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành thêm 1.715.997 cổ phiếu, tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm 17.159.970.000 đồng; Số lượng cổ phiếu bị hủy bỏ: 03 cổ phiếu tương ứng 30.000 đồng;
- Nguồn vốn phát hành: từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2020;
- Ngày kết thúc đợt phát hành: 17/11/2021;
- Ngày thay đổi chứng nhận đăng ký kinh doanh: 22/12/2021.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm Hàng không (*)	0,00%	-	24,24%	34.662.000.000
Nguyễn Việt Oanh	24,24%	38.821.440.000	0,00%	-
Nguyễn Hồng Dũng	16,78%	26.880.000.000	0,00%	-
Dương Văn Can	8,74%	14.000.000.000	0,00%	-
Nguyễn Đức Thắng	6,17%	9.889.600.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	44,06%	70.568.930.000	75,76%	108.338.000.000
	<b>100%</b>	<b>160.159.970.000</b>	<b>100%</b>	<b>143.000.000.000</b>

(\*) Đến 01/02/2021, Tổng Công ty Bảo hiểm Hàng không đã thoái toàn bộ vốn góp tại Công ty và không còn là cổ đông lớn của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	160.159.970.000	143.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	143.000.000.000	143.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	17.159.970.000	-
- Vốn góp cuối năm	<u>160.159.970.000</u>	<u>143.000.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	4.219.550.000	19.190.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	17.159.970.000	17.160.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	17.159.970.000	17.160.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(3.240.000)	(12.959.640.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(3.240.000)	(12.959.640.000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(17.159.970.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(17.159.970.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>4.216.310.000</u>	<u>4.219.550.000</u>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.015.997	14.300.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.015.997	14.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.015.997	14.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.015.997	14.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.015.997	14.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 28/2010/HDKT-HN ngày 13 tháng 09 năm 2010 với Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam diện tích 49.971 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với mục đích sử dụng đất khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2056 với phương thức thuê đất trả tiền một lần.

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại địa chỉ 164 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội với diện tích khu đất thuê là 29,528 m<sup>2</sup>. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2021	01/01/2021
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.543,57	12.840,44

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	992.497.681.542	1.045.080.274.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	512.296.901	733.451.607
	<u>993.009.978.443</u>	<u>1.045.813.725.607</u>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, vật tư đã bán	814.339.361.055	847.957.018.356
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.879.167	27.898.967
	<b>814.348.240.222</b>	<b>847.984.917.323</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.626.307.488	7.677.112.968
Lãi thu được từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.768.219.178	8.546.005.640
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.779.960.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	117.106.596	223.612.203
	<b>12.291.593.262</b>	<b>16.446.730.811</b>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b>1.779.960.000</b>	-

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	8.878.877.592	13.138.666.212
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	-	5.495.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	116.086.066	408.903.366
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.582.174	1.283.516
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	23.659.900.000
	<b>8.996.545.832</b>	<b>42.703.753.094</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.351.789	64.260.154
Chi phí nhân công	9.264.316.613	10.057.088.313
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.500.752	23.606.992
Chi phí khác bằng tiền	9.446.481.636	11.987.303.396
Chi phí bảo hành	(850.247.224)	192.332.225
	<b>17.974.403.566</b>	<b>22.324.591.080</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	767.439.429	1.026.043.133
Chi phí nhân công	30.495.488.995	31.697.254.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	503.732.484	1.854.543.638
Thuế, phí, lệ phí	175.211.253	641.247.086
Chi phí dịch vụ mua ngoài	545.624.535	825.499.404
Chi phí khác bằng tiền	9.962.554.014	7.445.124.705
	<b>42.450.050.710</b>	<b>43.489.712.470</b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt thu được	354.278.179	86.982.000
Xử lý chênh lệch thừa kiểm kê	9.383.661.337	7.836.096.050
Thu nhập khác	23.727.273	63.382.269
	<b>9.761.666.789</b>	<b>7.986.460.319</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.187.181	2.047.644.181
Xử lý chênh lệch thiếu kiểm kê	887.083.198	988.793.704
	<b>889.270.379</b>	<b>3.036.437.885</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	130.404.727.785	110.707.504.885
Các khoản điều chỉnh tăng	6.095.527.912	29.588.854.782
- Chi phí không hợp lệ	6.093.945.738	29.588.854.782
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.582.174	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.254.689.500)	(4.270.257.285)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.779.960.000)	-
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc đã loại khỏi chi phí tính thuế năm trước	(474.729.500)	(4.270.257.285)
Thu nhập chịu thuế TNDN	134.245.566.197	136.026.102.382
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	<b>26.849.113.239</b>	<b>27.205.220.476</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	763.840.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	18.198.839.303	5.785.269.444
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(35.205.220.476)	(15.555.490.843)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>9.842.732.066</b>	<b>18.198.839.303</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020 (Điều chỉnh lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	103.555.614.546	83.502.284.409
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	103.555.614.546	83.502.284.409
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	16.015.997	16.015.997
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>6.466</b>	<b>5.214</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.312.425.600	-	-	109.312.425.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.163.479.611	-	-	3.163.479.611
	<u>112.475.905.211</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.475.905.211</u>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.865.225.560	-	-	51.865.225.560
Phải thu khách hàng, phải thu khác	130.878.845.890	-	-	130.878.845.890
	<u>182.744.071.450</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>182.744.071.450</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT**Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>				
Vay và nợ	378.497.901.348	-	-	378.497.901.348
Phải trả người bán, phải trả khác	93.150.932.839	-	-	93.150.932.839
Chi phí phải trả	426.948.457	-	-	426.948.457
	<b>472.075.782.644</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>472.075.782.644</b>
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Vay và nợ	222.381.512.124	-	-	222.381.512.124
Phải trả người bán, phải trả khác	116.476.951.302	-	-	116.476.951.302
Chi phí phải trả	684.255.012	-	-	684.255.012
	<b>339.542.718.438</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>339.542.718.438</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Trọng Dân	Chủ tịch HĐQT Công ty từ ngày 15/06/2020
Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Vinh (Miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Miễn nhiệm ngày 01/12/2021)	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Thành Quang	Thành viên HĐQT
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần XNK Thủ công Mỹ nghệ (Artexport)	Cùng thành viên HĐQT - Ông Vũ Hải
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Cùng thành viên HĐQT - Ông Bùi Trọng Dân

144  
TY  
ÂN  
CƠ  
HÀ  
T.P.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT**Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,  
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Cổ tức lợi nhuận được chia</b>	<b>1.779.960.000</b>	-
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	1.779.960.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>342.367.588.600</b>	<b>201.761.400.000</b>
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	56.813.900.000	56.813.900.000
Công ty CP XNK Thủ công Mỹ nghệ Artexport	285.553.688.600	144.947.500.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>3.944.856.826</b>	<b>2.531.569.000</b>
Ông Vũ Đình Đông	1.048.128.545	635.031.000
Ông Vũ Hải - Ủy viên Hội đồng quản trị	1.311.755.733	781.087.000
Ông Nguyễn Thành Vinh	790.940.774	558.101.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	794.031.774	557.350.000
<b>Thu nhập của thành viên trong Hội đồng Quản trị</b>	<b>1.262.564.302</b>	<b>767.539.000</b>
Ông Bùi Trọng Dân	358.787.887	224.539.000
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	301.258.805	181.000.000
Ông Nguyễn Thành Quang	301.258.805	181.000.000
Ông Mai Xuân Sơn	301.258.805	181.000.000

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Phạm Thị Kim Ngân  
Người lập



Hoàng Văn Huy  
Q. Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2022